

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **169/2020/DS-PT**

Ngày: 30 - 7 - 2020

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Cầu

Các thẩm phán: Ông Phạm Việt Cường

Ông Trần Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Quách Đức Dũng, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 88/2020/TLPT-DS ngày 03- 01- 2020 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Do có kháng cáo của bà Huỳnh Thị Ngọc G đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2019/DS-ST ngày 07-11-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1185/2020/QĐ-PT ngày 13-7-2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc G, sinh năm 1946; địa chỉ: Số 382 đường D, phường T, quận T1, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Xuân C, sinh năm 1991; địa chỉ: Số 44 đường C1, phường H, quận H1, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn V, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện P2, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có đơn xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân huyện P2, tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ: Số 116 đường L1, thị trấn P2, huyện P2, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Văn Tr - Trưởng phòng và ông Hoàng Đức Nguyên L1 - Chuyên viên Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện P2 (giấy ủy quyền ngày 31-5-2019). Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện P2, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có đơn xin vắng mặt.

+ Các anh, chị: Huỳnh Quốc Ph, Huỳnh Quốc Ph1, Huỳnh Thị Mộng Tr và Huỳnh Thị Phương Tr1; cùng địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện P2, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đều vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của các anh, chị Ph, Ph1, Tr, Tr1: Ông Lê Xuân C; địa chỉ: Số 44 đường C, phường H, quận H1, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

* Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Huỳnh Thị Ngọc G trình bày: Cụ Huỳnh Thị N1 có 02 người con là bà Huỳnh Thị Ngọc G và ông Huỳnh Văn N2 (con nuôi). Vợ chồng ông Huỳnh Văn N2, bà Nguyễn Thị Mộng T2 đã chết, có 04 người con chị Huỳnh Mộng Tr, anh Huỳnh Quốc Ph, anh Huỳnh Quốc Ph1 và chị Huỳnh Thị Phương Tr1.

Năm 1958, cụ N1 có mua lại từ ông Lưu Ch 03 mảnh đất có bản sao địa đồ số A398, A399, A400 của Trích lục địa bộ Sở Địa chính, tỉnh Thừa Thiên Huế, Đại Nam Trung Kỳ Chính phủ có khoảng 13.600 m² tại thôn P, xã P, huyện P2, tỉnh Thừa Thiên Huế (Thôn P, xã L, P2, Thừa Thiên Huế). Từ đó đến khi mất, cụ N1 đã quản lý, sử dụng tổng diện tích đất nói trên và tiến hành xây dựng nhà cửa, thực hiện việc đóng thuế sử dụng đất, thuế nhà, đất đối với diện tích 13.600m² theo quy định của pháp luật. Sau năm 1975, bà G và em trai là Huỳnh Văn N2 (mất năm 2014) tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thuế đối với diện tích đất nói trên.

Khi có chính sách cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình Bà đã nhiều lần thực hiện thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, kê khai diện tích và nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân xã L từ năm 2001 đến năm 2011 nhưng vẫn không thực hiện được. Đến năm 2013, bà G làm lại đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mới phát hiện Bản đồ địa chính số 55 do xí

nghiệp Trắc địa bản đồ 202 đo đạc năm 2009 vẽ sai diện tích đất của gia đình Bà, theo đó phần diện tích đất mà mẹ Bà để lại có thêm tên của một số cá nhân trong đó có tên ông Nguyễn V và bà Nguyễn Thị Ng tại thửa đất số 206, diện tích 550,8m² và thửa đất 219, diện tích 439,9 m² thuộc tờ bản đồ số 47 tọa lạc tại xã L, huyện P2.

Bà đã khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền. Ngày 07-10-2016, Ủy ban nhân dân xã L đã tiến hành hòa giải. Tại buổi hòa giải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L thừa nhận diện tích 1.179,9 m², thửa 162, tờ bản đồ số 55 là thuộc quyền quản lý, sử dụng đất của gia đình bà G. Riêng diện tích đất còn lại, các hộ dân cho rằng đất này là do Hợp tác xã T3 giao cho quản lý, sử dụng nên không đồng ý trả lại đất cho gia đình Bà. Vì vậy buổi hòa giải không thành. Do đó, Bà khởi kiện đòi lại quyền sử dụng đất đến Tòa án nhân dân huyện P2 và yêu cầu hủy các giấy chứng nhận đã cấp cho những người trên. Tòa án nhân dân huyện P2 đã chuyển vụ án đến Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, vụ án được tách ra giải quyết đối với từng bị đơn. Trong vụ án này, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Ngọc G và bị đơn là vợ chồng ông Nguyễn V, bà Nguyễn Thị Ng.

Bà G yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn V và bà Nguyễn Thị Ng phải trả lại các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 47 gồm thửa đất số thửa 219, diện tích 439,9 m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V và bà Ng; thửa đất số 206, diện tích 550,8m² chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện P2 đã cấp cho ông V và bà Ng tại thửa số 219.

Bị đơn ông Nguyễn V, bà Nguyễn Thị Ng trình bày:

Nguồn gốc thửa đất tranh chấp là do vào năm 1979, Hợp tác xã T3 giao cho các thành viên của Hợp tác xã thuộc địa phận Cụm 5, thôn P, xã L, huyện P2 để sản xuất nông nghiệp. Gia đình Ông cũng được cấp đất trồng cây nông nghiệp tại thửa đất số 206, diện tích 550,8m² và thửa đất số 219, diện tích 439,9 m², đồng thời thực hiện nghĩa vụ đóng thuế đầy đủ cho Hợp tác xã. Vào năm 2000, khi nhà nước có chủ trương miễn thuế đất nông nghiệp lúc đó gia đình ông Nguyễn V mới được hưởng chính sách từ đó cho đến nay. Vào năm 2013, ông Nguyễn V và bà Ng được Ủy ban nhân dân huyện P2 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 219, tờ bản đồ số 47, diện tích 439,9 m². Vào

tháng 4/2014, bà G dùng cột trụ bê tông và dây thép rào quanh toàn bộ diện tích đất không cho ông Nguyễn V sản xuất, ông Nguyễn V đã khiếu nại lên Ủy ban nhân dân xã L để hòa giải nhiều lần nhưng bà G vẫn không thực hiện việc tháo dỡ. Do đó, từ khi tranh chấp gia đình ông Nguyễn V không khai thác sử dụng được thửa đất cho đến nay.

Hiện nay, bà G khởi kiện yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất và đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Nguyễn V, bà Ng không đồng ý và đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của bà G.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Bà Huỳnh Mộng Tr, ông Huỳnh Quốc Ph, bà Huỳnh Thị Phương Tr1, ông Huỳnh Quốc Ph1 đều ủy quyền việc tham gia tố tụng cho đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Xuân C và có ý kiến thống nhất như nội dung trình bày của bà Huỳnh Thị Ngọc G.

Ủy ban nhân dân huyện P2 trình bày:

Các thửa đất số 206, 219 tờ bản đồ số 47 thuộc xã L, huyện P2 trước năm 1975 không có ai sử dụng, bỏ hoang hóa. Đến năm 1982, đưa vào Hợp tác xã để sản xuất; đến năm 1988, phân chia cho các xã viên trực tiếp sản xuất và nộp sản lượng cho Hợp tác xã hàng năm. Các thửa đất trên giao cho ông Nguyễn V và bà Nguyễn Thị Ng sử dụng trồng cây hàng năm từ năm 1988 đến nay. Khi lập Bản đồ địa chính, ông V bà Ng đứng tên kê khai đối với các thửa đất trên.

Vào năm 2013, Ủy ban nhân dân huyện P2, tỉnh Thừa Thiên Huế đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V và bà Ng tại thửa đất số 219 tờ bản đồ số 47 với diện tích 439,9m². Nguyên đơn yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp trên là không có căn cứ. Đối với thửa đất số 206, tờ bản đồ số 47, trên bản đồ địa chính xã L được đo vẽ năm 2009 và sổ mục kê thể hiện tên chủ sử dụng đất là ông Nguyễn V và bà Nguyễn Thị Ng, tuy nhiên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ủy ban nhân dân xã L trình bày:

- Thửa đất số 206 và 219 tờ bản đồ số 47 tại thôn P, xã L trước năm 1975 do gia đình bà Huỳnh Thị N1 (mẹ của bà G) sử dụng. Sau năm 1975, thực hiện chủ trương của Nhà nước đưa toàn bộ diện tích đất vào làm ăn tập thể nên diện tích này do Hợp tác xã T3 quản lý và đăng ký kê khai theo Bản đồ 299. Hiện nay Bản đồ 299 không còn lưu giữ tại Ủy ban nhân dân xã L và Hợp tác xã T3 do bị thất lạc do mưa bão.

Hai thửa đất trên, Hợp tác xã T3 đã giao cho hộ ông Nguyễn V để quản lý và sản xuất từ năm 1979, gia đình ông V đã sử dụng liên tục cho đến năm 2011 thì bà G cho san lấp mặt bằng nên gây ngập úng không sản xuất được, các hộ đã có đơn gửi Ủy ban nhân dân xã giải quyết. Hiện nay, gia đình ông Nguyễn V đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 219, đối với thửa đất 206 ông V và bà Ng đã kê khai đăng ký đo đạc địa chính năm 2009.

- Việc nộp thuế đất nông nghiệp đối với các thửa đất 206, 219 tờ bản đồ số 47 từ năm 1979 đến trước năm 2000 do hộ ông Nguyễn V nộp cho Hợp tác xã T3. Từ năm 1975 đến nay, bà G, bà N1 và ông N2 không canh tác hay trực tiếp khai thác gì trên các thửa đất này do các thửa đất trên Hợp tác xã T3 đã chia cho hộ ông Nguyễn V sản xuất.

Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá các thửa đất đang tranh chấp. Về giá thị trường do Hội đồng định giá chưa có cơ sở thống nhất và xác định cụ thể, các đương sự cũng không ý kiến gì về phần này nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giá trị tài sản theo quy định của Nhà nước.

Tại các Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản xác định như sau: Các thửa đất tranh chấp là thửa số 206 và 219 tờ bản đồ số 47 đều là đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, có bờ thửa bao quanh cố định, có ranh giới rõ ràng, kích thước và diện tích kiểm tra thực tế đúng theo như bản đồ địa chính. Thửa số 219 có diện tích 439,9 m², giá nhà nước 23.300 đồng/m² = 10.249.670.đồng. Thửa số 206 có diện tích 550,8m² x 23.300 đồng/m²= 12.833.640 đồng. Tổng cộng thành tiền là: 23.083.310 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2019/DS-ST ngày 07-11-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 147, Điều 228, 266, 267 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 10 Luật đất đai năm 2003. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc G về việc đòi lại quyền sử dụng đất do ông Nguyễn V và bà Nguyễn Thị Ng đang quản lý sử dụng tại thửa đất số 219 có diện tích 439,9 m² và thửa đất số 206 có diện tích 550,8m² thuộc tờ bản đồ số 47, tọa lạc tại thôn P, xã L, huyện P2, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Ngọc G về việc đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện P2 cấp vào

ngày 17-12-2013 cho ông Nguyễn V và bà Nguyễn Thị Ng tại thửa đất số 219 có diện tích 439,9 m² tọa lạc tại thôn P, xã L, huyện P2, tỉnh Thừa Thiên Huế

Ngày 20-11-2019, bà Huỳnh Thị Ngọc G kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát cấp cao Đà Nẵng đề nghị căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị Ngọc G. Giữ nguyên bản án số 24/2019/DS-ST ngày 07-11-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; thẩm tra công khai tại phiên tòa; nghe ý kiến trình bày của đương sự; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao Đà Nẵng, các văn bản pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Nguồn gốc đất tranh chấp do cụ Huỳnh Thị N1 mua của ông Lưu Ch 03 mảnh đất số A398, A399, A400 theo Trích lục địa bộ Sở Địa chính, tỉnh Thừa Thiên Huế, Đại Nam Trung Kỳ Chính phủ có tổng diện tích đất khoảng 13.600 m² tại thôn P, xã P, huyện P2 vào năm 1958. Sau năm 1975, thực hiện chủ trương của Nhà nước Ủy ban nhân dân xã P đã đưa toàn bộ diện tích đất vào Hợp tác xã T3 theo Chỉ thị 299. Năm 1979, Hợp tác xã T3 đã giao diện tích đất trên cho các xã viên để sản xuất nông nghiệp, trong đó ông Nguyễn V và bà Nguyễn Thị Ng được giao thửa đất số 219, diện tích 439,9 m² và thửa 206, diện tích 550,8m² hiện nay thuộc tờ bản đồ 47 thuộc xã L, huyện P2, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[2] Tại khoản 2 Điều 10 Luật đất đai năm 2003 và khoản 5 Điều 26 Luật đất đai năm 2013 quy định: *“Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”*. Như vậy, việc hộ gia đình ông Nguyễn V được Nhà nước giao đất để canh tác, sản xuất nông nghiệp từ năm 1979 cho đến nay đối với hai thửa đất trên là phù hợp với pháp luật đất đai. Mặc dù Ủy ban nhân dân các cấp tỉnh Thừa Thiên Huế không còn hồ sơ lưu trữ về bản đồ 299 mà Hợp tác xã T3 đã kê khai, đăng ký đối với thửa 219 diện tích 439,9 m² và thửa 206 diện tích 550,8m² của hộ ông Nguyễn V, bà Nguyễn Thị Ng là do lũ lụt.

Điều này, không làm ảnh hưởng đến chính sách về quản lý đất đai của Nhà nước như cấp sơ thẩm phân tích là đúng.

[3] Xét đơn kháng của bà Huỳnh Thị Ngọc G đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện P2 đã cấp ngày 17-12-2013 cho ông Nguyễn V và bà Nguyễn Thị Ng đối với thửa số 219, diện tích 439,9 m²: Trong quá trình sử dụng đất ông Nguyễn V, bà Nguyễn Thị Ng đã kê khai, đăng ký và thực hiện đúng trình tự, thủ tục, quy định của pháp luật (Điều 33, 37, 46, 49, 50, 52, 122, 123 Luật Đất đai năm 2003 và các văn bản quy phạm pháp luật). Do đó, không có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị Ngọc G đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 17-12-2013 cho ông Nguyễn V và bà Nguyễn Thị Ng. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí:

Bà Huỳnh Thị Ngọc G là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp đơn nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị Ngọc G. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2019/DS-ST ngày 07-11-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. **Xử:**

Áp dụng các khoản 2 Điều 10, Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; khoản 5 Điều 26, khoản 2 Điều 104 Luật đất đai năm 2013.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc G về việc đòi lại quyền sử dụng đất do ông Nguyễn V và bà Nguyễn Thị Ng đang quản lý sử dụng thửa đất số 219 có diện tích 439,9 m² và thửa đất số 206 diện tích 550,8m² thuộc tờ bản đồ số 47 tại thôn P, xã L, huyện P2, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Ngọc G đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện P2 cấp vào ngày 17-12-2013 cho ông Nguyễn V và bà Nguyễn Thị Ng tại thửa đất số 219, diện tích 439,9 m² tại thôn P, xã L, huyện P2, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Về án phí:

Áp dụng điểm d, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức án phí, lệ phí tòa án.

Bà Huỳnh Thị Ngọc G được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị Ngọc G 300.000 đồng số tiền đã tạm nộp ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 005594 ngày 12-12-2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

Các quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 30-7-2020./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- CTHADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thúy Cầu